

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: 12/2018/DS - ST.

Ngày: 18/4/2018.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đồng.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017, về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST – DS, ngày 05/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 5 - Thôn 1 - Xã G – Huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Cao Thị Thanh N, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 5 - Thôn 1 - Xã G – Huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 5 - Thôn 1 - Xã G – huyện T - Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Nguyễn Văn V: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 5 - Thôn 1 - Xã G – huyện T - Bình Thuận.

Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 5 - Thôn 1 - Xã G – huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện ngày và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị T cho vợ chồng chị Cao Thị Thanh N, anh Nguyễn Thanh H vay tổng số tiền 84.000.000đ, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 20/6/2014 âm lịch, chị T cho chị N vay 20.000.000đ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày vay, không thỏa thuận lãi suất và không viết giấy tờ gì thể hiện việc vay số tiền này.

- Lần thứ hai: Vào ngày 06/9/2014 âm lịch, chị T tiếp tục cho chị N vay 25.000.000đ. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 12 ngày kể từ ngày vay, không thỏa thuận lãi suất. Thời điểm này, chị N viết giấy nợ thể hiện có vay chị T tổng số tiền là 45.000.000đ.

- Lần thứ ba: Vào ngày 20/11/2014 âm lịch, chị T tiếp tục cho chị N vay 25.000.000đ. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày vay, không thỏa thuận lãi suất, đồng thời có viết giấy vay để ghi nhận.

- Lần thứ tư: Vào ngày 29/12/2014 âm lịch, chị N tiếp tục vay chị T số tiền 14.000.000đ. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 20 ngày kể từ ngày vay, không thỏa thuận lãi suất, đồng thời viết giấy vay tiền với tổng số tiền vay là 39.000.000đ cho cả lần vay thứ 3 và thứ 4.

Mặc dù, trong những lần vay tiền này anh Nguyễn Thanh H (chồng của chị N) không trực tiếp thỏa thuận vay tiền hay nhận tiền từ chị T. Thế nhưng, chị T cho rằng: Khi chị N vay tiền thì anh H có điện thoại nói chuyện với chị T để đưa tiền cho chị N vay và số tiền này chị N sử dụng vào mục đích trả nợ chung của vợ chồng anh H, chị N và để làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Do đến nay, chị N và anh H vẫn chưa trả cho chị T tổng số tiền đã vay là 84.000.000đ. Cho nên, chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị N phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng chị T, anh V số tiền 84.000.000đ. Chị T không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra chị T không còn trình bày hay yêu cầu gì thêm.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn - Chị Cao Thị Thanh N trình bày:

Chị N thừa nhận đã vay của chị Nguyễn Thị T tổng số tiền là 84.000.000đ. Số tiền vay này chị N sử dụng trong công việc làm ăn của vợ chồng và để trả nợ chung. Hiện nay, chị N vẫn còn nợ vợ chồng chị T số tiền 84.000.000đ nên chấp nhận cùng anh H trả số tiền này.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Anh H thừa nhận hiện nay vợ chồng anh H, chị N còn nợ chị T số tiền vay là 84.000.000đ. Anh H chấp nhận liên đới cùng chị N trả cho chị T số tiền này.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau: 01 tờ giấy kê ô li (loại giấy vở học sinh) có chữ viết tay bằng mực màu xanh, có ghi các ngày 06/9/2014, 29/12/2014, phía dưới cùng có 01 chữ ký ghi tên Cao Thị Thanh N.

[5]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

Nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Loan, bị đơn - Chị Cao Thị Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Nguyễn Thanh H đều thống nhất thừa nhận: Từ ngày 06/9/2014 âm lịch đến ngày 29/12/2014 âm lịch, chị T có 04 lần cho chị N, anh H vay tài sản với tổng số tiền vay là 84.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất. Đến nay chị N, anh H chưa trả số tiền này cho chị T nên hiện nay chị N, anh H còn nợ chị T 84.000.000đ tiền vay.

[6]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Cao Thị Thanh N và anh Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn V 84.000.000đ. Chia phần chị Cao Thị Thanh N phải trả 42.000.000đ và anh Nguyễn Thanh H phải trả 42.000.000đ.

Về án phí: Chị Cao Thị Thanh N, anh Nguyễn Thanh H mỗi người phải nộp 2.100.000đ án phí DSST sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 2.100.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Mặc dù, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn chị Cao Thị Thanh N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H lần thứ hai nhưng anh H, chị N đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh H là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vẫn yêu cầu bị đơn - Chị Cao Thị Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Nguyễn Thanh H phải liên đới trả số tiền vay 84.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015 và Điều 471 BLDS năm 2005. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3] Về yêu cầu trả nợ vay của chị Nguyễn Thị T:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T, vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc vợ chồng chị Cao Thị Thanh N, anh Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng chị T, anh V số tiền nợ vay là 84.000.000đ.

Xét thấy: Tại các biên bản lấy lời khai của chị Cao Thị Thanh N, anh Nguyễn Thanh H (các bút lục số 17, 18, 19, 20) đều thể hiện: Hiện nay, vợ chồng chị N, anh H còn nợ chị T tổng số tiền là 84.000.000đ. Anh H và chị N chấp nhận trả số tiền này cho chị T.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị T về việc buộc chị N, anh H có trách nhiệm trả số tiền 84.000.000đ cho vợ chồng chị T, anh V là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 BLDS năm 2005.

[4] Về tiền lãi:

Chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của phía nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T được chấp nhận nên cần buộc bị đơn - Chị Cao Thị Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 357 BLDS năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với chị Cao Thị Thanh N và anh Nguyễn Thanh H:

Buộc chị Cao Thị Thanh N và anh Nguyễn Thanh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn V số tiền là 84.000.000đ (Tám mươi bốn triệu đồng).

Chia phần:

Chị Cao Thị Thanh N phải trả cho chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn V số tiền là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

Anh Nguyễn Thanh H phải trả cho chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn V số tiền là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ *Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.*

+ *Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm*

- Về án phí:

Buộc chị Cao Thị Thanh N và anh Nguyễn Thanh H phải liên đới nộp 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm ngàn đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai số N.0012180, ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - Ngày 18/4/2018. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.T;
- CC THA DS H.T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Yến